Chi tiết mã HS 8501.10.60

Mã HS	8501.10.60
Mô tả hàng hóa	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện) / - Động cơ có công suất không quá 37,5 W: / - - Động cơ khác, kể cả động cơ vạn năng (một chiều/xoay chiều): / - - - Động cơ hướng trục (SEN)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 10:37:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85011060/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14843
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14843
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14843
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14136
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14077
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14077
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14077
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14077
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14077
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14077
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14131
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14131
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14131

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14131
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14131
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14131
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14132
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14132
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14132
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14132
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14132
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14132
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F14135
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14083
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14091
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14091
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14091
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14091
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14091
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14091
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14122
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14122
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14122
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14122
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14122
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14122
VCFTA	2022	2022	3	VC!D14177
VCFTA	2023	2023	3	VC!E14177
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14177

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14177
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14177
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14177
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14154
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14154
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14154
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14154
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14154
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14154
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D14154
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E14154
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F14154
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G14154
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H14154
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I14154
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D14169
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E14169
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F14169
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14169
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14169
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14169
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D14168
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E14168
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F14168
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14168
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14168

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14168
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14161
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14161
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14161
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14161
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14161
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14161
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14161
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D14156
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E14156
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F14156
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G14156
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H14156
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I14156
RCEP B	2022	2022	9	B!D14156
RCEP B	2023	2023	8	B!E14156
RCEP B	2024	2024	7	B!F14156
RCEP B	2025	2025	6	B!G14156
RCEP B	2026	2026	5	B!H14156
RCEP B	2027	2027	4	B!I14156
RCEP C	2022	2022	9	C!D14156
RCEP C	2023	2023	8	C!E14156
RCEP C	2024	2024	7	C!F14156
RCEP C	2025	2025	6	C!G14156
RCEP C	2026	2026	5	C!H14156
RCEP C	2027	2027	4	C!I14156

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D14155
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E14155
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F14155
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G14155
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H14155
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I14155
RCEP E	2022	2022	9	E!D14159
RCEP E	2023	2023	8	E!E14159
RCEP E	2024	2024	7	E!F14159
RCEP E	2025	2025	6	E!G14159
RCEP E	2026	2026	5	E!H14159
RCEP E	2027	2027	4	E!I14159
RCEP F	2022	2022	9	F!D14156
RCEP F	2023	2023	8	F!E14156
RCEP F	2024	2024	7	F!F14156
RCEP F	2025	2025	6	F!G14156
RCEP F	2026	2026	5	F!H14156
RCEP F	2027	2027	4	F!I14156
VIFTA	2024	2024	9	VI!F13157
VIFTA	2025	2025	8	VI!G13157
VIFTA	2026	2026	7	VI!H13157
VIFTA	2027	2027	6	VI!I13157

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8501.10 có 11 dòng thuế; dòng 8501.10.60 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Động cơ hướng trục (SEN).	8501.10.21 Loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16; 8501.10.22 Loại khác, công suất không quá 5 W; 8501.10.29 Loại khác; 8501.10.30 Động cơ hướng trục (SEN); 8501.10.41 Loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16; 8501.10.49 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8501.10.60. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8501.10.60 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14843), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.